

Ngày 27 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM**

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Mã CK: IJC

Địa chỉ: Tầng 15, Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3848789

Fax: 0274 3848678

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Thanh Hùng

Địa chỉ: Tầng 15, Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3848789

Fax: 0274 3848678

Loại thông tin công bố

Định kỳ

Bất thường 24h

Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên của công ty mẹ năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/08/2019 tại đường dẫn: <http://www.becamexijc.com/quanhecodong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Phó tổng giám đốc *Rghm*



TRỊNH THANH HÙNG

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên Công ty mẹ năm 2019 đã được soát xét

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 13 - 42 |
| 8. Phụ lục | 43 - 45 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 02 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/2010/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là IJC.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84-274) 3848 789
- Fax : (84-274) 3848 678

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Thi công điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Giám sát xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng các công trình công cộng;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Dịch vụ trồng cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Xử lý rác thải, vệ sinh môi trường;
- Thi công lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng và máy cơ giới.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Quảng Văn Việt Cường | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hoàn Vũ | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Lê Anh Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Trần Thiện Thế | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Võ Thị Huyền Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thùy Dương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Châu Thị Vân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Lê Thị Thùy Dương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Đỗ Quang Ngôn | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Trương Đức Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Trịnh Thanh Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Võ Thị Huyền Trang | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2017 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Quang Ngôn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.



Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Số: 1.1026/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 6.316.102.829.509 | 6.173.850.003.463 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 227.219.363.972 | 153.613.219.155 |
| 1. Tiền | 111 | | 40.984.327.167 | 53.088.175.412 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 186.235.036.805 | 100.525.043.743 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 959.833.442.696 | 914.478.034.495 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2a | 925.964.407.595 | 873.854.591.162 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 23.962.670.618 | 4.848.318.483 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 9.906.364.483 | 35.775.124.850 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 5.127.842.961.660 | 5.104.756.792.169 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 5.127.842.961.660 | 5.104.756.792.169 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.207.061.181 | 1.001.957.644 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 1.207.061.181 | 545.000.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 456.957.644 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.851.412.889.213 | 1.871.073.575.820 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 666.658.430.609 | 677.490.648.803 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.2b | 192.786.268.648 | 203.668.486.842 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 473.872.161.961 | 473.822.161.961 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 519.203.995.888 | 528.923.408.174 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 513.528.868.531 | 522.988.427.693 |
| - Nguyên giá | 222 | | 912.138.987.762 | 907.209.750.713 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (398.610.119.231) | (384.221.323.020) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 5.675.127.357 | 5.934.980.481 |
| - Nguyên giá | 228 | | 10.502.956.586 | 10.502.956.586 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.827.829.229) | (4.567.976.105) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 161.294.142.981 | 163.149.990.501 |
| - Nguyên giá | 231 | | 185.090.978.661 | 185.090.978.661 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (23.796.835.680) | (21.940.988.160) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 472.790.085.811 | 468.748.091.841 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.11 | 464.697.878.311 | 461.845.927.341 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 8.092.207.500 | 6.902.164.500 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 17.377.481.005 | 17.377.481.005 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.13 | 17.377.481.005 | 17.377.481.005 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 14.088.752.919 | 15.383.955.496 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 14.088.752.919 | 15.383.955.496 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 8.167.515.718.722 | 8.044.923.579.283 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 6.465.778.746.160 | 6.329.404.433.576 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.568.700.231.718 | 5.392.409.261.985 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14a | 2.910.390.873.467 | 2.924.578.985.881 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 21.723.414.928 | 15.366.780.677 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 34.194.707.226 | 3.501.295.659 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 2.218.513.513 | 2.049.837.658 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 266.272.994.485 | 251.690.689.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a | 820.766.983.556 | 639.806.148.124 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.507.089.797.329 | 1.553.396.436.245 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 6.042.947.214 | 2.019.088.741 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 897.078.514.442 | 936.995.171.591 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.14b | 634.767.353.000 | 672.267.353.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.22 | 207.904.967.142 | 159.571.224.291 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.19b | 248.000.000 | 248.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 54.158.194.300 | 104.908.594.300 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.701.736.972.562 | 1.715.519.145.707 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.701.736.972.562 | 1.715.519.145.707 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.23 | 1.370.973.230.000 | 1.370.973.230.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.370.973.230.000 | 1.370.973.230.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.23 | 10.420.226.000 | 10.420.226.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.23 | 101.805.314.034 | 93.275.096.257 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.23 | 218.538.202.528 | 240.850.593.450 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 57.140.815.851 | 240.850.593.450 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 161.397.386.677 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 8.167.515.718.722 | 8.044.923.579.283 |

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2019


Bùi Thị Thùy
Người lập

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởngĐỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 491.398.422.859 | 616.145.994.396 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 3.396.483.462 | 44.195.548.434 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 488.001.939.397 | 571.950.445.962 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 216.260.100.114 | 348.272.387.651 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 271.741.839.283 | 223.678.058.311 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 3.284.107.025 | 1.007.677.160 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 50.457.943.640 | 59.018.554.265 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 29.779.539.198 | 34.893.300.223 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 17.570.330.948 | 18.442.739.899 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 11.568.485.834 | 14.626.631.503 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 195.429.185.886 | 132.597.809.804 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 7.012.664.757 | 12.867.598.161 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 5.789.145.981 | 2.791.815.275 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.223.518.776 | 10.075.782.886 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 196.652.704.662 | 142.673.592.690 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 35.255.317.985 | 24.704.440.120 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>161.397.386.677</u> | <u>117.969.152.570</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2019


Bùi Thị Thùy
Người lập

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởngĐỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 196.652.704.662 | 142.673.592.690 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8;V.9;V.10 | 18.560.496.852 | 18.734.787.166 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (3.192.612.107) | (868.075.294) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 29.779.539.198 | 34.893.300.223 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 241.800.128.605 | 195.433.604.785 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (53.815.413.309) | 62.612.363.232 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 28.352.487.288 | 121.376.559.618 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 47.606.237.778 | (19.654.455.777) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 633.141.396 | 2.068.895.796 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.6;V.18;VI.5 | (83.069.034.696) | (92.300.570.823) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (15.298.654.087) | (15.681.184.436) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (6.638.913.749) | (4.219.253.414) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 159.569.979.226 | 249.635.958.981 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8;V.10; V.12;VII | (11.841.918.146) | (22.388.689.336) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.4;VI.4 | 22.941.793.053 | 13.619.420.062 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 11.099.874.907 | (8.769.269.274) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20 | 265.185.968.544 | 291.453.191.981 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20 | (362.243.007.460) | (407.852.597.667) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19;V.23 | (6.670.400) | (89.674.900) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(97.063.709.316)</i> | <i>(116.489.080.586)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 73.606.144.817 | 124.377.609.121 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 153.613.219.155 | 38.428.748.337 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 227.219.363.972 | 162.806.357.458 |

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Bùi Thị Thùy
Người lập

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngón
Tổng Giám đốc

3448
ÔNG
NHÌM
ÁN V
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------------|---|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex | Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. | Kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa. | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex | Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. | Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa. | 100% | 100% | 100% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 256 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 262 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Kỹ Thuật

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Hàng hóa bất động sản: bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng bất động sản để đưa bất động sản vào trạng thái sẵn sàng để bán.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí duy tu sửa chữa Quốc lộ 13 và thiết bị thu phí tự động. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4987
IG T
EM H
IVAT
& C
PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bán quyền

Tiền bán quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bán quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 3.510.302.571 | 3.996.407.369 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 37.474.024.596 | 49.091.768.043 |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | 186.235.036.805 | 100.525.043.743 |
| Cộng | <u>227.219.363.972</u> | <u>153.613.219.155</u> |

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | <u>224.107.345.882</u> | <u>213.412.379.510</u> |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 64.787.324.844 | 62.916.402.460 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị | 132.856.383.000 | 123.758.942.800 |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex | 434.300.000 | 433.400.000 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex | 1.625.669.664 | 1.637.240.997 |
| Công ty TNHH Becamex Tokyu | 5.433.486.747 | 9.265.490.294 |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore | 18.970.181.627 | 15.400.902.959 |
| Phải thu các khách hàng khác | <u>701.857.061.713</u> | <u>660.442.211.652</u> |
| Cộng | <u>925.964.407.595</u> | <u>873.854.591.162</u> |

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | <u>9.626.648.200</u> |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | - | 529.208.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị | - | 9.097.440.200 |
| Phải thu các khách hàng khác | <u>192.786.268.648</u> | <u>194.041.838.642</u> |
| Cộng | <u>192.786.268.648</u> | <u>203.668.486.842</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 22.171.240.027 | 3.004.351.848 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam | 5.148.582.071 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | 1.578.032.956 | 3.004.351.848 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước | 15.444.625.000 | - |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 1.791.430.591 | 1.843.966.635 |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Ngôi sao Việt | 214.500.000 | 214.500.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.576.930.591 | 1.629.466.635 |
| Cộng | 23.962.670.618 | 4.848.318.483 |

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 6.431.105.328 | - | 32.497.350.868 | - |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center | 6.249.105.328 | - | 12.420.156.354 | - |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu tiền cổ tức | - | - | 16.392.863.029 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex - Phải thu tiền cổ tức | - | - | 3.502.331.485 | - |
| Công ty Liên Doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore - Ký quỹ ký cược ngắn hạn. | 132.000.000 | - | 132.000.000 | - |
| Công ty TNHH Becamex Tokysu - Ký quỹ ký cược ngắn hạn | 50.000.000 | - | 50.000.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 3.475.259.155 | - | 3.277.773.982 | - |
| Lãi dự thu | 374.859.699 | - | 228.846.131 | - |
| Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư Sunrise, tòa nhà Becamex Tower | 240.075.982 | - | 207.398.898 | - |
| Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ Sunrise | 34.149.800 | - | 63.186.300 | - |
| Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án The Green River | 118.139.900 | - | 79.651.800 | - |
| Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án Phố TM IJC2 | 209.271.800 | - | 315.834.000 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 1.397.289.219 | - | 913.951.790 | - |
| Tạm ứng công tác | 653.017.477 | - | 1.092.024.379 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 448.455.278 | - | 376.880.684 | - |
| Cộng | 9.906.364.483 | - | 35.775.124.850 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 473.812.161.961 | - | 473.812.161.961 | - |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP – Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center ^(*) | 473.602.061.961 | - | 473.602.061.961 | - |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Quỹ quản lý, thi công dự án | 210.100.000 | - | 210.100.000 | - |
| Phải thu các tổ chức khác | 60.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 60.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Cộng | 473.872.161.961 | - | 473.822.161.961 | - |

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP để xây dựng Dự án Becamex City Center với tổng diện tích trên 61.000m², tổng vốn đầu tư lên đến 2.500 tỷ VND. Dự án này là một khu phức hợp bao gồm các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

5. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | | 137.709.286.800 | 137.709.286.800 | | 135.655.392.800 | 135.655.392.800 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán bất động sản</i> | <i>Dưới 06 tháng</i> | 2.053.894.000 | 2.053.894.000 | <i>Dưới 06 tháng</i> | 7.492.324.000 | 7.492.324.000 |
| | <i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i> | 7.492.324.000 | 7.492.324.000 | <i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i> | 4.404.126.000 | 4.404.126.000 |
| | <i>Từ 01 đến 02 năm</i> | 3.692.815.000 | 3.692.815.000 | <i>Từ 01 đến 02 năm</i> | - | - |
| | <i>Từ 02 đến 03 năm</i> | 711.311.000 | 711.311.000 | | - | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán bất động sản</i> | <i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i> | - | - | <i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i> | 54.586.314.000 | 54.586.314.000 |
| | <i>Từ 01 đến 02 năm</i> | 109.172.628.000 | 109.172.628.000 | <i>Từ 01 đến 02 năm</i> | 69.172.628.800 | 69.172.628.800 |
| | <i>Từ 02 đến 03 năm</i> | 14.586.314.800 | 14.586.314.800 | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 472.733.978.548 | | 429.353.370.210 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | 472.733.978.548 | | 429.353.370.210 |
| Phải thu tiền bán bất động sản | Dưới 06 tháng | 67.423.645.764 | Dưới 06 tháng | 63.707.466.242 |
| | Từ 06 tháng đến 01 năm | 49.665.837.808 | Từ 06 tháng đến 01 năm | 38.210.356.999 |
| | Từ 01 đến 02 năm | 80.195.851.557 | Từ 01 đến 02 năm | 82.588.296.720 |
| | Từ 02 đến 03 năm | 75.919.463.139 | Từ 02 đến 03 năm | 78.243.438.637 |
| | Trên 03 năm | 199.529.180.280 | Trên 03 năm | 166.603.811.612 |
| Cộng | | 610.443.265.348 | | 565.008.763.010 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|----------|--------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | 505.761.543 | - | 1.087.512.281 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*) | 5.113.835.762.064 | - | 5.085.376.411.054 | - |
| Hàng hóa bất động sản | 13.501.438.053 | - | 18.292.868.834 | - |
| Cộng | 5.127.842.961.660 | - | 5.104.756.792.169 | - |

(*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.333.161.522.050 VND (số dư đầu năm là 2.338.209.575.578 VND). Dự án này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn đang phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 1.465.604.860.641 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean và các đối tượng khác (xem thuyết minh số V.20).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trong kỳ là 54.290.607.749 VND (cùng kỳ năm trước là 56.784.616.410 VND).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí hoa hồng, quảng cáo | 1.101.818.182 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 105.242.999 | 545.000.000 |
| Cộng | 1.207.061.181 | 545.000.000 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.973.130.676 | 2.495.504.874 |
| Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 | 10.393.567.760 | 11.074.099.362 |
| Thiết bị thu phí tự động | 1.722.054.483 | 1.814.351.260 |
| Cộng | 14.088.752.919 | 15.383.955.496 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 862.691.755.599 | 1.605.459.924 | 6.093.443.135 | 36.819.092.055 | 907.209.750.713 |
| Mua trong kỳ | 2.936.737.373 | - | 1.692.792.728 | - | 4.629.530.101 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.355.706.945 | - | - | - | 2.355.706.945 |
| Thanh lý tài sản | (2.055.999.997) | - | - | - | (2.055.999.997) |
| Số cuối kỳ | 865.928.199.920 | 1.605.459.924 | 7.786.235.863 | 36.819.092.055 | 912.138.987.762 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 557.226.395 | 1.460.459.924 | 3.736.501.975 | 18.478.848.931 | 24.233.037.225 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 352.303.999.627 | 1.512.418.243 | 4.890.501.990 | 25.514.403.160 | 384.221.323.020 |
| Khấu hao trong kỳ | 15.301.487.934 | 7.249.998 | 124.059.456 | 1.011.998.820 | 16.444.796.208 |
| Thanh lý tài sản | (2.055.999.997) | - | - | - | (2.055.999.997) |
| Số cuối kỳ | 365.549.487.564 | 1.519.668.241 | 5.014.561.446 | 26.526.401.980 | 398.610.119.231 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 510.387.755.972 | 93.041.681 | 1.202.941.145 | 11.304.688.895 | 522.988.427.693 |
| Số cuối kỳ | 500.378.712.356 | 85.791.683 | 2.771.674.417 | 10.292.690.075 | 513.528.868.531 |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 457.473.054.781 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean và các đối tượng khác (xem thuyết minh số V.20).

9. Tài sản cố định vô hình

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 10.502.956.586 | 4.567.976.105 | 5.934.980.481 |
| Khấu hao trong kỳ | | 259.853.124 | |
| Số cuối kỳ | 10.502.956.586 | 4.827.829.229 | 5.675.127.357 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 3.043.494.021 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 185.090.978.661 | 21.940.988.160 | 163.149.990.501 |
| Khấu hao trong kỳ | | 1.855.847.520 | |
| Số cuối kỳ | 185.090.978.661 | 23.796.835.680 | 161.294.142.981 |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dự án chung cư IJC Aroma | 114.255.867.676 | 114.255.867.676 | 111.403.161.965 | 111.403.161.965 |
| Dự án Khu dân cư ấp 5C Lai Uyên | 350.442.010.635 | 350.442.010.635 | 350.442.765.376 | 350.442.765.376 |
| Cộng | 464.697.878.311 | 464.697.878.311 | 461.845.927.341 | 461.845.927.341 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là công trình cải tạo Quốc lộ 13.

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|----------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 6.902.164.500 | 3.269.180.056 |
| Chi phí phát sinh trong kỳ | 3.545.749.945 | 1.462.368.698 |
| Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ | (2.355.706.945) | (1.749.440.896) |
| Kết chuyển vào chi phí trong kỳ | - | (2.982.107.858) |
| Cộng | 8.092.207.500 | - |

13. Đầu tư vào Công ty con

Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex ⁽ⁱ⁾ | 11.377.481.005 | - | 11.377.481.005 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| Cộng | 17.377.481.005 | - | 17.377.481.005 | - |

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701906616, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (tiền thân là Công ty TNHH MTV IJC) 12.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702280392, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Ngày 16 tháng 01 năm 2018, Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex đã đăng ký thay đổi vốn điều lệ tăng lên 20.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex | | |
| Cho thuê trang thiết bị | 2.250.000.000 | 2.250.000.000 |
| Mua hàng hoá, dịch vụ | - | 91.380.847 |
| Cho thuê tầng hầm, phòng gym | 109.090.908 | 109.090.908 |
| Phí cầu đường | 4.909.092 | 4.090.910 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex | | |
| Cho thuê mặt bằng | 2.460.000.000 | 2.460.000.000 |
| Mua hàng hoá, dịch vụ | 452.793.640 | 1.532.092.019 |
| Thu nhượng tiền điện tại chung cư Aroma | 1.541.263.805 | 1.046.160.434 |
| Phí quản lý | 3.237.606.150 | 2.469.630.000 |
| Thuê mặt bằng | 117.177.840 | - |
| Phí khác | 732.022.284 | - |

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 2.889.954.656.567 | 2.890.742.795.973 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 2.716.705.660.815 | 2.716.705.660.815 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex | 3.487.530.543 | 4.265.305.508 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | 34.820.650.240 | 19.121.724.461 |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore | 30.499.356.039 | 81.468.184.652 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương | 39.233.260.912 | 39.233.260.912 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam | 7.025.330.018 | 10.948.659.625 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương | 56.500.000.000 | 19.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đá ốp An Bình | 1.682.868.000 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 22.119.084.900 | 33.836.189.908 |
| Công ty TNHH Tư vấn và Kỹ thuật Bách Phương | 17.616.490.973 | 15.508.420.347 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.819.725.927 | 18.327.769.561 |
| Cộng | 2.910.390.873.467 | 2.924.578.985.881 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14b. Phải trả người bán dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 390.092.505.000 | 390.092.505.000 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương | 244.674.848.000 | 282.174.848.000 |
| Cộng | <u>634.767.353.000</u> | <u>672.267.353.000</u> |

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | <i>1.597.475.578</i> | <i>1.096.827.267</i> |
| Công ty TNHH Becamex Tokyu | 73.200 | 73.200 |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore | 1.597.402.378 | 1.096.754.067 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>20.125.939.350</i> | <i>14.269.953.410</i> |
| Ông Đàm Văn Khánh | 1.187.577.000 | 1.187.577.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Bình Dương | 5.879.163.341 | 1.271.727.031 |
| Các khách hàng khác | 13.059.199.009 | 11.810.649.379 |
| Cộng | <u>21.723.414.928</u> | <u>15.366.780.677</u> |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 29.997.723.242 | (19.644.520.964) | 10.353.202.278 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.382.412.404 | 35.255.317.985 | (15.043.117.132) | 23.594.613.257 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | | 483.337.429 | (255.536.955) | 227.800.474 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 118.883.255 | 552.739.921 | (652.531.959) | 19.091.217 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | <u>3.501.295.659</u> | <u>66.292.118.577</u> | <u>(35.598.707.010)</u> | <u>34.194.707.226</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất Không chịu thuế
- Các hoạt động khác 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo Hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tỉnh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là năm thứ 08 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 196.652.704.662 | 142.673.592.690 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | 1.052.533.700 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 196.652.704.662 | 143.726.126.390 |
| Trong đó | | |
| - Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án I) | 44.664.841.170 | 44.287.399.629 |
| - Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án II) | 40.752.229.479 | 40.407.851.577 |
| - Hoạt động kinh doanh khác | 111.235.634.013 | 59.030.875.184 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 39.330.540.933 | 28.745.225.278 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T | (4.075.222.948) | (4.040.785.158) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 35.255.317.985 | 24.704.440.120 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 228.545.646.856 | 209.993.637.739 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 192.881.277.392 | 172.240.418.550 |
| - Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất phổ thông mại IJC2 | 5.495.302.155 | 5.495.302.155 |
| - Lãi trả chậm cổ tức | 187.385.975.237 | 166.745.116.395 |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore | 35.664.369.464 | 35.664.369.464 |
| - Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khu dân cư Hòa Lợi THI | 4.289.658.194 | 4.289.658.194 |
| - Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ấp 1, ấp 5 Vĩnh Tân | 18.118.774.560 | 18.118.774.560 |
| - Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ấp 4 Suối Tre | 13.255.936.710 | 13.255.936.710 |
| Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | - | 2.088.849.725 |
| - Trích trước chi phí thi công hạ tầng Khu dân cư Vĩnh Tân (1,6 ha) | - | 2.088.849.725 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 37.727.347.629 | 41.697.051.261 |
| Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòa Lợi | 2.029.828.091 | 2.029.828.091 |
| Trích trước giá vốn xây dựng nhà | 3.923.978.574 | 6.125.954.817 |
| Chi phí lãi vay | 29.224.263.871 | 28.223.151.620 |
| Chi phí tiếp thị, môi giới | 2.059.993.893 | 2.720.396.529 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 489.283.200 | 2.597.720.204 |
| Cộng | 266.272.994.485 | 251.690.689.000 |

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 676.442.616.266 | 543.205.664.319 |
| Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - CTCP | 663.973.422.794 | 534.104.444.787 |
| - Cổ tức phải trả | 612.623.625.902 | 482.984.022.302 |
| - Phải trả tiền thu hộ tiền thuê văn phòng Becamex Tower | 2.646.826.798 | 2.648.666.916 |
| - Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise | 45.289.798.134 | 45.058.426.109 |
| - Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon | 1.948.734.160 | 1.948.734.160 |
| - Phải trả tiền thu hộ Ban Quản lý Chung cư Sunrise | 1.464.437.800 | 1.464.595.300 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC - Tiền bảo hành công trình | 12.469.193.472 | 9.101.219.532 |
| - Tiền bảo hành công trình | 12.239.193.472 | 9.101.219.532 |
| - Ký quỹ ngắn hạn | 230.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 144.324.367.290 | 96.600.483.805 |
| Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội | 1.353.811.966 | 1.130.359.526 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 40.857.135.990 | 30.072.098.514 |
| Cổ tức phải trả | 35.636.119.245 | 765.605.645 |
| Tiền bảo dưỡng chung cư IJC Aroma | 8.361.861.095 | 8.361.861.095 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký | - | 1.066.000.000 |
| Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex | 136.215.907 | 136.215.907 |
| Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp | 9.396.614.813 | 7.834.627.713 |
| Phải trả tiền thu hộ | 42.864.250.000 | 42.864.250.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.718.358.274 | 4.369.465.405 |
| Cộng | 820.766.983.556 | 639.806.148.124 |

19b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 382.838.597.329 | 388.644.836.245 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱ⁾</i> | 382.838.597.329 | 388.644.836.245 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 124.251.200.000 | 164.751.600.000 |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| Cộng | 1.507.089.797.329 | 1.553.396.436.245 |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tại lô đất diện tích 38.050 m² tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014 và lô đất với diện tích 40.947 m² theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐBĐ ngày 05 tháng 6 năm 2015.

(ii) Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả bao gồm:

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|--------------|----------------|--------------------------|--------------|----------------|--------------------------|
| | Lãi suất | Kỳ hạn còn lại | Giá trị | Lãi suất | Kỳ hạn còn lại | Giá trị |
| Phát hành theo mệnh giá | | | 1.000.000.000.000 | | | 1.000.000.000.000 |
| <i>Phát hành cho dự án đầu tư Sunflower mở rộng^(a)</i> | 10,825 %/năm | 03 tháng | 206.000.000.000 | 10,775 %/năm | 09 tháng | 206.000.000.000 |
| <i>Phát hành cho dự án đầu tư Prince Tower mở rộng^(b)</i> | 10,825 %/năm | 04 tháng | 400.000.000.000 | 10,775 %/năm | 10 tháng | 400.000.000.000 |
| Cộng | | | 1.000.000.000.000 | | | 1.000.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai Dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.
- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
 - Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13 - Tỉnh Bình Dương - từ Km1+248 đến Km 28+178 - dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- (b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai Dự án đầu tư Prince Town mở rộng.
- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
 - Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 388.644.836.245 | 265.185.968.544 | - | (270.992.207.460) | 382.838.597.329 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 164.751.600.000 | - | 50.750.400.000 | (91.250.800.000) | 124.251.200.000 |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả | 1.000.000.000.000 | - | - | - | 1.000.000.000.000 |
| Cộng | 1.553.396.436.245 | 265.185.968.544 | 50.750.400.000 | (362.243.007.460) | 1.507.089.797.329 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | | |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 23.000.000.000 | 31.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 15.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 20.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bình Dương ^(iv) | 11.158.194.300 | 18.908.594.300 |
| Cộng | 54.158.194.300 | 104.908.594.300 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995 m² theo Hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP tại lô đất diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐĐB ngày 16 tháng 9 năm 2014 và lô đất với diện tích 40.947 m² theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án Khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP với diện tích 28.221 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ vốn đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở thương mại dịch vụ công nhân Hòa Lợi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương với diện tích 14.797 m² theo Hợp đồng thế chấp số 022/18/HĐTC-9230 ngày 18 tháng 6 năm 2018.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 178.409.394.300 | 124.251.200.000 | 54.158.194.300 | - |
| Trái phiếu thường | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.178.409.394.300 | 1.124.251.200.000 | 54.158.194.300 | - |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 269.660.194.300 | 164.751.600.000 | 104.908.594.300 | - |
| Trái phiếu thường | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.269.660.194.300 | 1.164.751.600.000 | 104.908.594.300 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 104.908.594.300 | 1.219.750.000.000 |
| Vay trong kỳ | - | 49.910.194.300 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (50.750.400.000) | (1.164.751.600.000) |
| Số cuối kỳ | <u>54.158.194.300</u> | <u>104.908.594.300</u> |

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.019.088.741 | - |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 10.662.772.222 | 8.590.779.322 |
| Chi quỹ | (6.638.913.749) | (4.219.253.414) |
| Số cuối kỳ | <u>6.042.947.214</u> | <u>4.371.525.908</u> |

22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản thanh toán theo tiến độ hợp đồng của các khách hàng chưa nhận bàn giao bất động sản.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|----------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|---------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.370.973.230.000 | 10.420.226.000 | 86.402.472.800 | 180.155.874.798 | 1.647.951.803.598 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 117.969.152.570 | 117.969.152.570 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 6.872.623.457 | (15.463.402.779) | (8.590.779.322) |
| Chia cổ tức trong kỳ | - | - | - | (137.097.323.000) | (137.097.323.000) |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>1.370.973.230.000</u> | <u>10.420.226.000</u> | <u>93.275.096.257</u> | <u>145.564.301.589</u> | <u>1.620.232.853.846</u> |
| Số dư đầu năm nay | 1.370.973.230.000 | 10.420.226.000 | 93.275.096.257 | 240.850.593.450 | 1.715.519.145.707 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 161.397.386.677 | 161.397.386.677 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 8.530.217.777 | (19.192.989.999) | (10.662.772.222) |
| Chia cổ tức trong kỳ | - | - | - | (164.516.787.600) | (164.516.787.600) |
| Số dư cuối kỳ này | <u>1.370.973.230.000</u> | <u>10.420.226.000</u> | <u>101.805.314.034</u> | <u>218.538.202.528</u> | <u>1.701.736.972.562</u> |

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 1.080.330.030.000 | 1.080.330.030.000 |
| Các cổ đông khác | 290.643.200.000 | 290.643.200.000 |
| Cộng | <u>1.370.973.230.000</u> | <u>1.370.973.230.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 137.097.323 | 137.097.323 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 137.097.323 | 137.097.323 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 137.097.323 | 137.097.323 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 137.097.323 | 137.097.323 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 137.097.323 | 137.097.323 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019:

| | VND |
|-----------------------------------|-------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 164.516.787.600 |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển | : 8.530.217.777 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 10.662.772.222 |

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 84,96 USD (số đầu năm là 98,16 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán vé cầu đường | 138.116.303.079 | 129.873.939.875 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 286.086.315.970 | 412.795.685.818 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 2.460.000.000 | 2.460.000.000 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 46.163.323.688 | 65.396.909.544 |
| Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 8.883.567.000 | 350.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 9.688.913.122 | 5.269.459.159 |
| Cộng | <u>491.398.422.859</u> | <u>616.145.994.396</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.13c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | | |
| Thi công xây dựng nhà ở xã hội | 1.218.103.985 | 24.483.777.424 |
| Phí cầu đường | 24.545.455 | 8.181.818 |
| Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh | 8.883.567.000 | 350.000.000 |
| Công ty TNHH Becamex Tokyu | | |
| Thi công công trình | 1.697.534.048 | 5.564.649.274 |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore | | |
| Thi công công trình | 37.514.762.205 | 626.424.748 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex | | |
| Phí cầu đường | - | 3.272.728 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | | |
| Thu nhượng tiền điện | 19.147.638 | 7.166.432 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Giá trị bất động sản bị trả lại trong kỳ.

3. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn vé cầu đường | 24.156.051.770 | 25.151.244.635 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 125.556.105.334 | 258.410.577.192 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư | 2.026.187.130 | 2.159.849.630 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 47.058.470.990 | 59.542.840.735 |
| Giá vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 15.054.618.026 | 515.736.908 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 2.408.666.864 | 2.492.138.551 |
| Cộng | 216.260.100.114 | 348.272.387.651 |

(i) Trong đó giá vốn trích trước của thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

| Hạng mục | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | Giá trị trích trước | Thời gian dự kiến phát sinh | Giá trị trích trước | Thời gian dự kiến phát sinh |
| Dự án Sunflower | - | - | 35.083.348.440 | Trong năm 2018 |
| Dự án nhà ở công nhân THI | - | - | 8.671.679.311 | Trong năm 2018 |
| Dự án phổ thương mại IJC2 | - | - | 5.495.302.155 | Trong năm 2018 |
| Dự án ấp 1, ấp 5 Vĩnh Tân | - | - | 11.854.740.034 | Trong năm 2018 |
| Cộng | - | - | 61.105.069.940 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 3.192.612.107 | 868.075.294 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 91.494.918 | 139.601.866 |
| Cộng | 3.284.107.025 | 1.007.677.160 |

5. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 29.779.539.198 | 34.893.300.223 |
| Chiết khấu thanh toán cho người mua | 37.545.600 | 3.484.395.200 |
| Lãi chậm trả cổ tức | 20.640.858.842 | 20.640.858.842 |
| Cộng | 50.457.943.640 | 59.018.554.265 |

6. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 11.215.095.224 | 7.737.533.878 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 1.379.631.632 | 1.422.582.629 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 115.517.088 | 30.553.786 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 203.266.080 | 207.171.852 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 729.954.545 | 6.695.390.818 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 624.079.704 | 1.060.150.164 |
| Các chi phí khác | 3.302.786.675 | 1.289.356.772 |
| Cộng | 17.570.330.948 | 18.442.739.899 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.684.895.990 | 9.388.036.490 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 397.004.575 | 264.215.908 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 89.708.993 | 100.853.754 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 363.434.184 | 437.451.306 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.327.029.456 | 2.401.827.384 |
| Các chi phí khác | 1.706.412.636 | 2.034.246.661 |
| Cộng | 11.568.485.834 | 14.626.631.503 |

8. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu từ phạt vi phạm hợp đồng | 2.604.848.064 | 9.986.946.830 |
| Phí quản lý vận hành nhà ở xã hội | - | 604.963.636 |
| Thu nhượng tiền điện, nước, internet | 3.823.752.264 | 1.201.640.292 |
| Thu nhập khác | 584.064.429 | 1.074.047.403 |
| Cộng | 7.012.664.757 | 12.867.598.161 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phí quản lý vận hành nhà ở xã hội | 104.082.304 | 219.937.420 |
| Chi phí điện, nước, internet | 5.563.923.909 | 1.890.604.946 |
| Tiền phạt vi phạm hành chính | 121.139.768 | - |
| Chi phí khác | - | 681.272.909 |
| Cộng | 5.789.145.981 | 2.791.815.275 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.309.236.069 | 8.313.398.453 |
| Chi phí nhân công | 19.666.588.599 | 18.752.660.138 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.560.496.852 | 18.734.787.166 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.894.290.401 | 6.837.900.486 |
| Chi phí khác | 6.299.110.625 | 10.417.805.957 |
| Cộng | 57.729.722.546 | 63.056.552.200 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công nợ phải trả liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 3.624.394.710 VND (số đầu năm là 7.291.032.810 VND).



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 9.420.000.000 | 7.170.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 33.580.000.000 | 18.040.000.000 |
| Cộng | 43.000.000.000 | 25.210.000.000 |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.350.000.000 VND (kỳ trước là 1.171.769.500 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

| | |
|--|---------------------------------|
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dược Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |
| Trường Đại học Quốc tế Miền Đông | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Setia - Becamex | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp và Đô thị Việt Nam - Singapore (VSIP JSC) | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Becamex Tokyu | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Nước & Môi trường Bình Dương | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phát triển & Công nghệ | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước | Công ty liên kết với Công ty mẹ |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tiền thân là Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) | Công ty có liên quan |
| Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình | Công ty có liên quan |

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| <i>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP</i> | | |
| Chi phí hoạt động hợp tác kinh doanh | 15.054.618.026 | 515.736.908 |
| Chia cổ tức | 129.639.603.600 | 108.033.003.000 |
| Lãi cổ tức trả chậm | 20.640.858.842 | 20.640.858.842 |
| Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất | - | 16.613.291.021 |
| Cung cấp dịch vụ | 8.270.284 | 604.963.636 |
| <i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i> | | |
| Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 28.058.439.492 | 194.062.087.509 |
| <i>Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC</i> | | |
| Thu nhượng tiền điện | 19.147.638 | 7.166.432 |
| Mua hàng | 720.812.937 | 237.571.600 |
| Thi công xây dựng | 67.477.735.596 | 26.712.626.771 |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i> | | |
| Thi công xây dựng nhà ở xã hội | 2.316.836.757 | 19.146.060.958 |
| <i>Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam</i> | | |
| Mua vật tư, thiết bị | 94.957.380 | 60.380.000 |
| Thi công xây dựng | 174.453.620 | 217.869.000 |
| <i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i> | | |
| Mua dịch vụ | - | 6.491.440 |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước</i> | | |
| Ứng tiền mua đất | 15.444.625.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình</i> | | |
| Mua vật tư | 1.529.880.000 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 772.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.14, V.15, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê mặt bằng trong tòa nhà Becamex Tower.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công nhà ở xã hội, thi công công trình công cộng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh: hợp tác thực hiện dự án Becamex City Center với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.
- Các lĩnh vực khác: cho thuê trang thiết bị, nội thất.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, chủ yếu tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Bùi Thị Thùy
Người lập biểu

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TĂNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Kỳ này | Lĩnh vực bán vé cầu đường | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư | Lĩnh vực xây dựng | Hợp đồng hợp tác kinh doanh | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------------------|---|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 138.116.303.079 | 282.689.832.508 | 2.460.000.000 | 46.163.323.688 | 8.883.567.000 | 9.688.913.122 | 488.001.939.397 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 138.116.303.079 | 282.689.832.508 | 2.460.000.000 | 46.163.323.688 | 8.883.567.000 | 9.688.913.122 | 488.001.939.397 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 101.026.555.768 | 142.521.537.521 | 375.496.554 | (1.989.486.715) | (6.381.643.261) | 7.050.562.634 | 242.603.022.501 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | - | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.807.733.209 | 505.319.698 | 3.618.699.900 | 15.209.091 | 15.209.091 | 11.822.942.300 | 23.558.362.684 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 18.988.739.182 | - | - | - | - | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ TĂNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| Kỳ trước | Lĩnh vực bán vé cầu đường | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư | Lĩnh vực xây dựng | Hợp đồng hợp tác kinh doanh | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|---------------------------|----------------------------------|---|-----------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 129.873.939.875 | 368.600.137.384 | 2.460.000.000 | 65.396.909.544 | 350.000.000 | 5.269.459.159 | 571.950.445.962 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 129.873.939.875 | 368.600.137.384 | 2.460.000.000 | 65.396.909.544 | 350.000.000 | 5.269.459.159 | 571.950.445.962 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 98.733.902.343 | 86.497.149.902 | 186.713.983 | 2.838.463.464 | (181.876.231) | 2.534.333.448 | 190.608.686.909 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | - | 190.608.686.909 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | - | 1.007.677.160 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | - | (59.018.554.265) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | - | 12.867.598.161 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | - | (2.791.815.275) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - | - | (24.704.440.120) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 7.673.393.452 | 1.459.442.363 | - | - | - | 120.861.091 | 117.969.152.570 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 13.640.419.517 | 5.189.344.735 | 1.856.073.107 | 43.558.245 | - | 982.207.816 | 21.711.603.420 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực bán vé cầu đường | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư | Lĩnh vực xây dựng | Hợp đồng hợp tác kinh doanh | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------------------|---|------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 497.932.127.775 | 6.688.270.191.502 | 165.113.835.673 | 22.429.145.840 | 479.851.167.289 | 14.460.474.811 | 7.868.056.942.890 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng tài sản | 4.993.530.659 | 4.695.687.166.225 | 404.374.746.946 | 171.067.258.768 | 51.095.635.970 | 1.138.560.407.592 | 6.465.778.746.160 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 503.316.058.916 | 6.560.406.115.731 | 166.420.664.827 | 27.679.998.375 | 486.232.318.315 | 15.728.597.222 | 7.759.783.753.386 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | 18.612.665.749 | 4.540.920.692.850 | 196.541.679.804 | 112.493.929.298 | 48.972.147.185 | 1.411.863.318.690 | 6.329.404.433.576 |



Đỗ Quang Ngón
Tổng Giám đốc

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thủy
Người lập